

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2020

Về việc “Tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Nửa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không còn hợp nhau, gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay.

Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/3/2017. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 28/02/2020 anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau và hiện nay anh với chị D đã ly thân với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị D có 02 người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/3/2017. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng có bao nhiêu thì gởi bao nhiêu.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/3/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/3/2017 mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Chị D xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, trong hôn nhân không đạt được hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên yêu cầu ly hôn với anh T. Phía anh T cũng xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau và hiện nay vợ chồng đã ly thân với nhau nên anh T đồng ý ly hôn với chị D. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu của chị D là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (chị D và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Thạch Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 19/8/2008).

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/3/2017 hiện đang sống cùng với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi con chung, anh T đồng ý giao chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời tại đơn nguyện vọng ngày 12/5/2020, người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 có nguyện vọng được ở với chị D. Do đó, tiếp tục giao 02 người con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nhưng mỗi tháng có bao nhiêu thì gửi bao nhiêu. Xét thấy, chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp, nhằm đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng 02 người con chung nên được chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/3/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 người con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30 tháng 01 năm 2020, chị D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006033 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng, anh T có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (chị D và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 19/8/2008).

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/3/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này nhưng anh T không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị D.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Nguyễn Huy T1, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 10/3/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi 02 người con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định của tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30 tháng 01 năm 2020, chị D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006033 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng, anh T có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thanh Hải Trần Thanh Liêm

Nguyễn Hồng nghi

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An Đông;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi